

Hóc Môn, ngày 28 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp
năm học 2019 - 2020**



Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2019 - 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 và công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020;

Căn cứ công văn số 704/GĐĐT-KTKĐCLGD ngày 11/3/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn lập kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020,

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020, cụ thể như sau:

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Tuyên truyền về những chủ trương tuyển sinh đầu cấp của thành phố và huyện đến từng hộ dân trên địa bàn. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em Nhân dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân (ưu tiên cho học sinh diện thường trú và tạm trú có sổ; riêng đối với các học sinh diện lưu trú, phải có giấy đăng ký lưu trú trên địa bàn phân tuyến trước ngày 01/01/2018); thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của thành phố.

2. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, công khai, khách quan, ổn định. Tạo điều kiện cho học sinh đi lại gần, phụ huynh thuận lợi trong việc đưa đón trẻ.

3. Tiếp tục duy trì các lớp tăng cường tiếng Anh, mở rộng các lớp “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”. Khuyến khích các trường mở thêm số lớp học Tiếng Anh theo “Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020”.

4. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ đến trường mầm non:

Dân số độ tuổi sinh năm 2014 (5 tuổi): **8.431** trẻ (số học sinh vào Mẫu giáo 5 tuổi năm học 2018 - 2019: **7.840** trẻ).

(Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể các lớp từ nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá theo phụ lục 1 đính kèm).

2. Tuyển sinh vào lớp 1:

Tổng số trẻ 6 tuổi (sinh năm 2013): **11.434** trẻ (số học sinh vào lớp 1 năm học 2018 - 2019: **11.960** trẻ).

(Chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 2, bảng phân tuyến học sinh vào các trường tiểu học theo phụ lục 4 đính kèm).

3. Tuyển sinh vào lớp 6:

Số học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học vào học lớp 6: **8.542** học sinh (số học sinh lớp 6 năm học 2018 - 2019: **7.959** học sinh).

(Chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 5, bảng phân tuyến học sinh vào các trường THCS theo phụ lục 9 đính kèm).

C. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP MẦM NON 5 TUỔI VÀ CÁC LỚP KHÁC

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi (sinh năm 2014) trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn vào các trường mẫu giáo, mầm non theo tuyến do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh của huyện quy định, có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu nhà trẻ và mẫu giáo ba tuổi, bốn tuổi. Tăng dần tỷ lệ huy động trẻ đến trường.

- Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nhận trẻ năm tuổi phải đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và giáo viên; phải thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

- Tổ chức nhận trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi theo đúng lộ trình quy định.

- Các trường mẫu giáo, mầm non (công lập, tư thục), nhóm trẻ công bố cụ thể chỉ tiêu tuyển sinh của từng nhóm, lớp (*phụ lục 1*).

- Thời gian phát, nhận hồ sơ, công bố kết quả

+ Từ ngày **01/7** đến ngày **15/7/2019**: các trường nhận hồ sơ nhập học.

+ Ngày **20/7/2019**: các trường công bố kết quả.

- **Thành phần hồ sơ gồm:** Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản sao giấy khai sinh (sao từ sổ gốc hoặc sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ), giấy chứng nhận sức khỏe, bảng điều tra tâm lý trẻ.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

1. Yêu cầu và nguyên tắc

- Huy động 100% trẻ sáu tuổi trong diện đi học (sinh năm 2013) đang cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn vào học lớp 1 theo tuyển do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh của huyện quy định (*phụ lục 2*).

- Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài huyện.

- Đẩy mạnh tổ chức học tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Ưu tiên đảm bảo đủ chỗ học và sĩ số học sinh/ lớp trước khi thực hiện lớp 2 buổi ngày.

- Các trường không được khảo sát trẻ để xếp lớp.

2. Số liệu tuyển sinh: chỉ tiêu cụ thể và phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú (*Phụ lục 4*).

3. Thời gian tuyển sinh (phát, nhận hồ sơ, công bố kết quả)

- **Từ ngày 01/7 đến ngày 05/7/2019:** UBND các xã - thị trấn, các trường tiểu học và giáo viên chuyên trách phổ cập lập danh sách theo phân tuyến, Hiệu trưởng các trường tiểu học trên địa bàn căn cứ theo danh sách này phát giấy Gọi nhập học (theo mẫu thống nhất).

- **Từ ngày 08/7 đến ngày 30/7/2019:** các trường nhận hồ sơ nhập học.

- **Ngày 31/7/2019:** công bố kết quả, kết thúc tuyển sinh.

- Thành phần hồ sơ gồm: Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản sao giấy khai sinh (sao từ sổ gốc hoặc sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ), bản chính giấy gọi nhập học.

4. Đối với lớp 1 tăng cường tiếng Anh

Việc tuyển sinh tiếng Anh tăng cường dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện. Điều kiện về trình độ: học sinh tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường lớp 1 không khảo sát đầu vào (*Phụ lục 3a*).

5. Đối với Lớp 1 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

Tiếp tục thực hiện tại 02 trường tiểu học (Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thị Nuôi)¹ theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 4409/GDĐT-TrH ngày 16/12/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”.

¹ Từ năm học 2015-2016: đã thực hiện tại 02 trường tiểu học Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thị Nuôi.

Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

Điều kiện về trình độ: học sinh tham gia chương trình tích hợp lớp 1 không khảo sát đầu vào. Học sinh theo học chương trình tích hợp được sắp xếp vào cùng lớp học, sĩ số lớp không quá 35 học sinh/lớp (*Phụ lục 3b*).

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Yêu cầu và nguyên tắc

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học tại các trường trên địa bàn huyện được xét tuyển vào học lớp 6 theo địa bàn cư trú do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh huyện quy định. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn.

- Điều kiện dự tuyển sinh theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phân bổ hợp lý học sinh khuyết tật học hòa nhập.

2. Số liệu tuyển sinh: chỉ tiêu cụ thể và phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú (*Phụ lục 5, 9*).

3. Thời gian tuyển sinh: giao, nhận, xét duyệt hồ sơ, công bố kết quả.

- Từ ngày 01/7 đến ngày 03/7/2019: các trường tiểu học sắp xếp hồ sơ học sinh lớp 5 căn cứ vào bảng phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú.

- Từ ngày 04/7 đến ngày 06/7/2019: Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức 01 buổi bàn giao hồ sơ học sinh đồng loạt giữa các trường tiểu học và THCS.

- Từ ngày 08/7 đến ngày 15/7/2019: Hội đồng Tuyển sinh các trường THCS xét duyệt hồ sơ.

- Ngày 16/7/2019: các trường THCS đồng loạt công bố kết quả tuyển sinh.

- Hồ sơ nhập học gồm: Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản sao giấy khai sinh (sao từ sổ gốc hoặc sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ), bản chính học bạ cấp tiểu học.

4. Tuyển sinh vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn An Khương - Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Việc tuyển sinh trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 6 lớp 210 học sinh (mỗi lớp không quá 35 học sinh)

b) Điều kiện:

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học, có chứng chỉ Cambridge Flyer 10/15 khiên trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 có từ 3/5 huy hiệu trở lên ở mỗi kỹ năng được xét tuyển vào học lớp 6 trường THCS Nguyễn An Khương theo đề án trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế (xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu). Riêng học sinh đạt giải cấp Quốc gia và Quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ... sẽ được xét tuyển thẳng vào trường.

c) Định hướng tổ chức:

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.
- Tổ chức dạy học tăng cường Ngoại ngữ.
- Tổ chức học ngoại ngữ với giáo viên người nước ngoài.
- Tổ chức dạy các bộ môn năng khiếu, môn tự chọn.
- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm.
- Trang bị cơ sở vật chất cho Trường tiên tiến.
- Tổ chức các hoạt động khác.

d) Thời gian tuyển sinh

- Từ ngày 01/7 đến ngày 04/7/2019: học sinh nộp phiếu đăng ký vào học lớp 6 trường Nguyễn An Khương theo đề án trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại trường tiểu học nơi đang theo học.

- Ngày 05/7/2019: các trường tiểu học chuyển hồ sơ dự tuyển gồm phiếu đăng ký, bản chính học bạ đến trường THCS Nguyễn An Khương.

- Ngày 6/7 đến ngày 7/7/2019: Hội đồng tuyển sinh trường THCS Nguyễn An Khương xét tuyển, lập danh sách gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định và duyệt kết quả.

- Ngày 08/7/2019: công bố danh sách tại trường THCS Nguyễn An Khương.

5. Tuyển sinh lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

Tiếp tục mở rộng thực hiện tại trường THCS Nguyễn An Khương theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 838-QĐ-GDĐT-VP ngày 18/5/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt danh sách các trường tiểu học, trung học cơ sở triển khai Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” từ năm học 2016-2017 (phụ lục 6b).

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 02 lớp (mỗi lớp không quá 35 học sinh)

Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

b) Điều kiện: Học sinh tham gia chương trình tích hợp thỏa một trong các yêu cầu về tiếng Anh sau đây:

- Theo hệ thống Cambridge English: Học sinh phải có chứng chỉ Flyer (số khiên tối thiểu 10/15 khiên);

- Theo hệ thống Cambridge CIE: Học sinh đã hoàn tất chương trình CIE ở bậc tiểu học và có chứng chỉ;

- Theo hệ thống ETS: Học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/5 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges) hoặc học sinh phải hoàn thành bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

c) Thời gian tuyển sinh

- Từ ngày 01/7 đến ngày 05/7/2019: học sinh trực tiếp đăng ký vào học lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại trường THCS Nguyễn An Khương.

Hồ sơ dự tuyển theo phiếu đăng ký gồm: phiếu đăng ký, bản chính học bạ, các chứng chỉ tiếng Anh nêu trên (nếu có) đến trường

- Ngày 8/7/2019: công bố danh sách tại trường THCS Nguyễn An Khương.

6. Tuyển sinh vào các lớp 6 tăng cường tiếng Anh

Tiếp tục tuyển sinh tiếng Anh tăng cường tại 3 trường THCS (Nguyễn Hồng Đào, Tô Ký, Tân Xuân).

- Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

- Đối tượng: Những học sinh thuộc lộ trình A đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm toàn năm từng kỳ năng từ 6 điểm trở lên hoặc học sinh không theo lộ trình A nhưng có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2, Flyer có nhu cầu theo học.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao và tổng điểm các kỹ năng, tiến hành xét tuyển từ điểm cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu (*phụ lục 6a*).

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2019 - 2020.

Thực hiện hướng dẫn số 706/GĐĐT-KTKĐCLGD ngày 11/3/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2019 - 2020.

V. TUYỂN SINH VÀO TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Học sinh đã tốt nghiệp THCS có thể đăng ký xét tuyển vào học lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện (*Phụ lục 8*).

Căn cứ xét tuyển: điểm tốt nghiệp THCS, điểm tổng kết các môn học 4 năm THCS, điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp THCS.

Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

VI. TUYỂN SINH VÀO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP – HỆ SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ

Học sinh đã tốt nghiệp THCS có thể đăng ký xét tuyển vào học tại trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện Hóc Môn hoặc các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề khác theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định (*Phụ lục 7*).

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban chỉ đạo Công tác tuyển sinh của huyện để chỉ đạo và kiểm tra công tác tuyển sinh của các xã - thị trấn và các trường trên địa bàn huyện.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các văn bản về công tác tuyển sinh và tổ chức thi tuyển vào lớp 10 của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Triển khai thực hiện kế hoạch và phổ biến đến Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS, trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để có kế hoạch thực hiện.
- Thành lập Hội đồng Tuyển sinh ở các trường THCS để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp.
- Hướng dẫn các trường tổ chức xét duyệt kết quả huy động trẻ đến trường và tuyển sinh các lớp đầu cấp.
- Chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, THCS thực hiện các nội dung sau:
 - + Trước ngày 03/7/2019, các trường THCS đề xuất với Phòng Giáo dục và Đào tạo danh sách Hội đồng Tuyển sinh của trường (nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông), gồm: Chủ tịch (Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng), Phó Chủ tịch (Phó Hiệu trưởng), Thư ký (Thư ký Hội đồng trường hoặc chọn trong các Tổ trưởng chuyên môn của trường), Ủy viên (Chủ tịch công đoàn cơ sở, tổng phụ trách Đội và chọn trong các Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy các môn học có kinh nghiệm, có phẩm chất đạo đức tốt và có tinh thần trách nhiệm cao).
 - + Xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh của trường.
 - + Giới thiệu, tạo điều kiện để phụ huynh học sinh và học sinh tìm hiểu về nhà trường.
 - + Tổ chức xét duyệt danh sách huy động trẻ và tuyển sinh các lớp đầu cấp theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.
 - + Kiểm tra và cập nhật đầy đủ danh sách học sinh đầu cấp và cuối cấp trên hệ thống thông tin quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Công an huyện

Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo thực hiện đúng các nội dung đăng ký, quản lý cư trú tại địa bàn các xã - thị trấn. Chỉ đạo Công an các xã - thị trấn thực hiện nghiêm việc xác nhận đăng ký lưu trú, không để xảy ra trường hợp xác nhận lưu trú không đúng thực tế.

Xử lý nghiêm cán bộ thực hiện xác nhận lưu trú không đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn

Thành lập Ban chỉ đạo Tuyển sinh của xã - thị trấn để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch.

Điều tra nắm chính xác số trẻ sinh năm 2013 và 2014, xác nhận chính xác tình trạng, địa bàn cư trú để phục vụ tốt cho công tác huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn (phụ trách VH-XH) cam kết và chịu trách nhiệm kỷ luật trước Ủy ban nhân dân huyện nếu để phát sinh tình trạng vượt số trẻ sinh năm 2013 và 2014 đã xác nhận.

Xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 trên địa bàn. Chỉ đạo Công an các xã - thị trấn thực hiện nghiêm việc xác nhận đăng ký lưu trú, không để xảy ra trường hợp xác nhận lưu trú không đúng thực tế.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành, đoàn thể huyện, Đài Truyền thanh huyện

Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, hội viên và Nhân dân trên địa bàn huyện về thực trạng trường lớp trên địa bàn huyện, kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 nhằm tạo đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân; đồng thời, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đăng ký nhập học theo kế hoạch tuyển sinh.

Tập trung tuyên truyền, thông báo thời gian tiếp nhận hồ sơ, ngày đưa trẻ đến trường, lớp để phụ huynh biết và thực hiện đúng thời gian quy định. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 đảm bảo đúng quy trình, thủ tục.

Trên đây là kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020, đề nghị các đơn vị liên quan, các trường học triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung kế hoạch này./. 

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT.HU: BT, PBT/TT;
- TT. HĐND huyện;
- TT.UBND huyện: CT, PCT/VX;
- Các Ban huyện ủy, UBKT HU, VPHU;
- Các đơn vị được phân công;
- Đảng ủy các xã - thị trấn (để phối hợp);
- VP. HĐND - UBND huyện, PVP/VX;
- Lưu: VT, Tuyển.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Thanh Hòa

10	25	5	16	15	3	5	7	01	38	7	73	13	08	31	4	09	45	)	ăm	ng	8	1	so
----	----	---	----	----	---	---	---	----	----	---	----	----	----	----	---	----	----	---	----	----	---	---	----

Phụ lục 1:

MẦM NON

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá - Năm học 2019 - 2020

STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhóm trẻ		Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Tổng số HS NH 19 20	Tổng cộng trẻ 5t	Bình quân trẻ 5t /lớp/trường
				Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	số lớp	số trẻ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Thị Trấn	MN Bé Ngoan	14	5	110	3	105	3	120	3	126	1	20	461	486	42
		MN 23/11	14	3	75	3	92	4	150	4	160			477		40
		MG Bé Ngoan I	9	0	0	2	50	3	90	4	160	0	0	300		35
		2 Lớp MG ĐL TT	6	0	0	3	40	2	40	1	40	0	0	120		40
2	Đông Thạnh	MN Sơn Ca	12	1	35	3	120	3	120	6	240	0	0	515	1,160	40
		MNTT Hòa Bình	4	1	25	1	25	1	30	1	40			120		35
		MNTT Bò Cầu Trắng	7					3	110	5	200			310		42
		39 nhóm, lớp ĐL TT (2 NT, 37 LMG)	73	2	52	30	747	28	788	17	680	0	0	2,267		40
3	Nhị Bình	MG Sơn Ca 3	12	1	25	2	70	4	120	5	200	0	0	415	280	40
		6 nhóm, lớp ĐL TT (01 NT, 05 LMG)	11	1	40	4	84	4	125	2	80	0	5	329		40
4	Tân Hiệp	MN Tân Hiệp	10	1	25	2	60	3	105	4	160	0		350	520	40
		MN Tân Hòa	15	3	86	3	110	4	180	6	240	0	0	616		40
		11 Nhóm, lớp ĐL TT (3 NT, 8 LMG)	21	6	143	7	165	6	211	2	120		22	639		60
5	Tân Thới Nhì	MN Hướng Dương	20	5	100	4	140	5	175	6	240			655	440	40
		8 Nhóm, lớp ĐL TT (1 NT, 7 LMG)	20	3	30	6	120	7	157	5	200	0	0	507		40
6	Tân Xuân	MN Tân Xuân	18	5	155	4	166	4	190	7	280	1	16	791	480	40
		MNTT Minh Đức	8	2	40	2	50	2	60	2	80	0	0	230		40
		9 Nhóm, lớp ĐL TT (1 NT, 8 LMG)	15	2	35	6	140	5	125	3	120	0	0	420		40
7	Thới Tam Thôn	MN Bông Sen	16	3	100	4	160	5	225	6	260	0	0	745	910	43
		MN 2/9	18	3	85	4	160	4	200	7	280			725		40
		38 Nhóm, lớp ĐL TT (2 NT, 36 LMG)	74	2	70	34	621	31	501	10	370	0	0	1,562		37
8	Bà Điểm	MN Bà Điểm	15	2	70	3	120	4	177	7	280	0	0	647	840	40
		MNTT Khai Trí	9	2	70	2	80	3	120	4	160			430		40
		45 Nhóm, lớp ĐL TT (3 NT, 42 LMG)	65	7	216	25	449	24	452	10	400	1	20	1,517		40

STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhóm trẻ		Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Tổng số HS NH 19 20	Tổng cộng trẻ 5t	Bình quân trẻ 5 t /lớp/trường
				Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	số lớp	số trẻ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
9	Trung Chánh	MG Bông Sen 1	9			3	60	3	90	3	120			270	705	40
		MNTT Sao Mai	22	2	90	6	270	7	350	7	350			1,060		50
		MNTT Toàn Mỹ	12	6	260	2	85	2	90	2	85			520		43
		14 Nhóm, lớp ĐLTT (1 NT. 13 LMG)	27	1	30	11	220	11	310	4	150	0	0	710		38
10	Xuân Thới Đông	MN Xuân Thới Đông	19	4	97	4	156	5	195	7	280	1	14	728	705	40
		MNTT Rạng Đông	18	2	70	6	258	5	240	5	225	0	0	793		45
		16 Nhóm, lớp ĐLTT (6 NT. 10 LMG)	35	12	210	10	213	10	245	5	200	1	17	868		40
11	Xuân Thới Sơn	MN Nhị Xuân	12	2	65	3	105	3	120	4	160			450	640	40
		MN 19/8	17	4	85	4	140	4	140	7	280	1	10	645		40
		16 Nhóm, lớp ĐLTT (5 NT. 11 LMG)	34	7	180	12	235	11	272	5	200	0	0	887		40
12	Xuân Thới Thượng	MN Bé Ngoan 3	18	4	148	4	160	5	225	7	280	1	10	813	1,265	40
		MN Xuân Thới, Thượng	11	2	40	3	75	3	90	3	105			310		
		MNTT Thiên Đức	16	2	60	4	140	5	200	6	240			640		40
		29 Nhóm, lớp ĐLTT (3 NT. 26 LMG)	72	8	205	26	574	24	531	16	640	1	13	1,950		40
TOÀN HUYỆN			808	116	3,127	255	6,565	260	7,669	208	8,431	8	147	25,792	8,431	
Trong đó																
Công lập			259	48	1,301	58	2,049	69	2,712	96	3,851	5	70	9,913	3,571	37
Ngoài công lập			549	68	1,826	197	4,516	191	4,957	112	4,580	3	77	15,879	4,860	43
MNTT			96	17	615	23	908	28	1,200	32	1,380	0	0	4,103	1,325	41
NT, LMG ĐLTT			453	51	1,211	174	3,608	163	3,757	80	3,200	3	77	11,776	3,535	44

Ghi chú: Mầm non: có 248 cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 25 trường (17 trường công lập; 08 trường tư thục) và 232 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (gồm 29 nhóm trẻ và 203 lớp mẫu giáo)

Phụ lục 2:

TIỂU HỌC

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã – thị trấn, trường tiểu học - Năm học 2019 - 2020

Tên trường TiH	Tên xã – thị trấn	Tổng số phòng học của trường	Số HS Lớp 5 (Năm học 2018-2019)	Số liệu tuyển sinh năm học 2019 - 2020											Số liệu tuyển sinh so với năm học 2018 – 2019		
				Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận								
				Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng	Tổng số lớp	số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường T. Anh	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)
Nguyễn An Ninh	TT	44	443	382	11	393	8	49	0	8	6	2	8	393	10	538	-145
Bùi Văn Ngừ	BĐ	54	552	696	0	696	14	50	6	8	4	0	8	696	8	905	-209
Tây Bắc Lân	BĐ	59	563	785	19	804	16	50	12	4	3	0	4	804	15	740	64
Hoàng Hoa Thám	ĐT	63	279	220	292	512	10	51	8	2			2	512	20	743	-231
Thới Thạnh	ĐT	16	204	80	0	80	2	40	2	0			0	80	6	288	-208
Trần Văn Danh	ĐT	49	719	363	500	863	19	45	4	15			15	863	7	820	43
Võ Văn Thặng	NB	46	225	216	389	605	12	50	0	12	2	0	9	605	6	332	273
Cầu Xáng	TH	19	170	140	60	200	4	50	0	4			4	200	4	163	37
Tân Hiệp	TH	45	136	216	107	323	7	46	0	7			6	323	4	185	138
Trương Văn Ngải	TH	35	268	201	87	288	6	48	0	6	6	0	6	288	7	389	-101
Lý Chính Thắng 2	TTN	40	277	249	136	385	8	48	0	8	6	0	8	385	8	392	-7
Nhị Tân	TTT	13	99	115	30	145	3	48	0	3			3	145	3	120	25
Áp Đình	TX	21	261	234	49	283	6	47	4	2			2	283	6	240	43
Mỹ Hòa	TX	26	219	325	46	371	8	46	6	2			2	371	6	426	-55
Tam Đông	TTT	35	322	199	185	384	8	48	4	4	4	0	4	384	7	500	-116
Tam Đông 2	TTT	48	418	115	380	495	10	50	2	8			8	495	10	560	-65
Thới Tam	TTT	36	296	255	36	291	6	49	0	6	6	0	6	291	8	566	-275
Nguyễn Thị Nuôi	TTT	35	460	244	150	394	8	49	2	6	4	2	6	394	8	414	-20

Tên trường TiH	Tên xã – thị trấn	Tổng số phòng học của trường	Số HS Lớp 5 (Năm học 2018-2019)	Số liệu tuyển sinh năm học 2019 - 2020											Số liệu tuyển sinh so với năm học 2018 – 2019		
				Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chi tiêu nhận								
				Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng	Tổng số lớp	số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường T. Anh	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)
Mỹ Huệ	TC	24	263	251	135	386	8	48	4	4	3	0	4	386	6	319	67
Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TC	17	160	164	59	223	5	45	4	1			1	223	5	243	-20
Tân Xuân	XTĐ	34	321	431	91	522	11	47	8	3			3	522	8	435	87
Trần Văn Mười	XTĐ	44	557	414	246	660	13	51	8	5			5	660	9	731	-71
Dương Công Khi	XTS	53	439	405	236	641	14	46	8	6			6	641	13	751	-110
Nhị Xuân	XTS	15	184	74	147	221	5	44	4	1			1	221	4	233	-12
Ngã Ba Giồng	XTT	16	254	401	364	765	15	51	14	1			1	765	4	214	551
Xuân Thới Thượng	XTT	33	376	390	114	504	11	46	10	1			1	504	12	713	-209
Tổng cộng		920	8465	7565	3869	11434	237	48	110	127	44	4	123	11434	204	11960	-526

Trang

Người

MN1

Phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường tiểu học - Năm học 2019 - 2020

Trường tiểu học	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
Nguyễn An Ninh	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Trương Văn Ngải	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Lý Chính Thắng 2	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Võ Văn Thặng	Công lập	2	70	35	Tiếng Anh
Mỹ Huệ	Công lập	3	105	35	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Nuôi	Công lập	4	140	35	Tiếng Anh
Bùi Văn Ngừ	Công lập	4	140	35	Tiếng Anh
Tây Bắc Lân	Công lập	3	105	35	Tiếng Anh
Tam Đông	Công lập	4	140	35	Tiếng Anh
Thới Tam	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Tổng cộng		44	1540	35	

Phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” trường tiểu học - Năm học 2019 - 2020

Trường tiểu học	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
Nguyễn An Ninh	Công lập	2	70	35	
Nguyễn Thị Nuôi	Công lập	2	70	35	
Tổng cộng		4	140	35	

Phụ lục 4: Bảng phân tuyển học sinh vào các trường tiểu học

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Sĩ số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú			
1	Xuân Thới Thượng	Xuân Thới Thượng	10	1	xã Xuân Thới Thượng:			504	46	
					Ấp 2	110				Lưu trú TH Ngã Ba Giồng nhận
					Ấp 3	159				Lưu trú TH Trần Văn Mười nhận
					Ấp 7	121	114			
2	Xuân Thới Thượng	Ngã Ba Giồng	14	1	xã Xuân Thới Thượng:			765	51	
					Ấp 1	137	86			
					Ấp 2		142			Thường trú TH Xuân Thới Thượng nhận
					Ấp 4	154	74			
					Ấp 5	110	62			
3		Nhị Xuân	4	1	xã Xuân Thới Sơn:			221	44	
					Ấp 5	45	140			
					xã Xuân Thới Thượng:					
					Ấp 6	29	7			
4	Xuân Thới Sơn	Dương Công Khi	8	6	xã Xuân Thới Sơn:			641	46	
					Ấp 1	35	13			
					Ấp 2	44	38			
					Ấp 3	106	60			
					Ấp 4	113	61			
					Ấp 6	107	64			
5	Xuân Thới Đông	Trần Văn Mười	8	5	Xuân Thới Đông:			660	51	
					ấp Xuân Thới Đông 1	147	26			
					ấp Xuân Thới Đông 2	135	10			
					ấp Xuân Thới Đông 3	132	3			
					xã Bà Điểm:					
					ấp Tiên Lân		6			Thường trú TH Bùi Văn Ngử nhận
					ấp Tiên Lân 1		6			Thường trú TH Bùi Văn Ngử nhận
					xã Xuân Thới Thượng					
					Ấp 3		195			Thường trú TH Xuân Thới Thượng

6	Xuân Thới Đông	Tân Xuân	8	3	xã Xuân Thới Đông:			522	47	
					ấp Mỹ Hòa 2	58	0			
					ấp Tân Tiến	145	1			
					ấp Mỹ Hòa 4.	119	3			
					ấp Bắc Lân	109	30			
					ấp Đông Lân		12			Thường trú TH Tân Bắc Lân nhận
					ấp Đông Lân 1		14			Thường trú TH Tân Bắc Lân nhận
					ấp Tây Lân		14			Thường trú TH Bùi Văn Ngử nhận
					ấp Hậu Lân		7			Thường trú TH Tân Bắc Lân nhận
					ấp Hưng Lân.		10			Thường trú TH Tân Bắc Lân nhận
7	Tân Thới Nhì	Lý Chính Thắng 2	0	8	xã Tân Thới Nhì:			385	48	
					ấp Thống Nhất 1	43	11			
					ấp Thống Nhất 2	58	33			
					Dân Thắng 1	51	22			
					Dân Thắng 2	45	26			
					Nhị Tân	52	44			
8		Nhị Tân	0	3	xã Tân Thới Nhì:			145	48	
					ấp Nhị Tân 1	47	15			
					ấp Nhị Tân 2	26	7			
					ấp Tân Lập	42	8			
9	Tân Hiệp	Tân Hiệp	0	7	xã Tân Hiệp:			323	46	
					ấp Tân Thới 3	95	54			
					Thới Tây 1	121	53			
10		Trương Văn Ngải	0	6	xã Tân Hiệp:			288	48	
					ấp Tân Thới 1	105	32			
					ấp Tân Thới 2.	96	48			
					Thị trấn					
					Khu phố 6		7			Thường Trú TH Nguyễn An Ninh nhận
11		Cầu Xáng	0	4	xã Tân Hiệp:			200	50	
					ấp Thới Tây 2	94	44			
					ấp Tân Hòa.	46	16			

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

CHỈ CHỈ

12	Thị Trấn	Nguyễn An Ninh	0	8	thị trấn Hóc Môn:			393	49		
					Khu phố 1	53	3				
					Khu phố 2	50	2				
					Khu phố 3	62	4				
					Khu phố 4	73	1				
					Khu phố 5	15	0				
					Khu phố 6	36				Lưu trú TH Trương Văn Ngai nhận	
					Khu phố 7	31	1				
					Khu phố 8	62	0				
13	Tân Xuân	Ấp Đình	4	2	xã Tân Xuân:			283	47		
					ấp Đình	121	29				
					ấp Chánh 1	113	20				
14		Mỹ Hòa	6	2	xã Tân Xuân:			371	46		
					ấp Chánh 2	96	13				
					ấp Mới 1	100	15				
15		Thới Tam Thôn	Tam Đông	4	4	xã Thới Tam Thôn:			384	48	
						ấp Tam Đông 2	92	64			
						ấp Tam Đông 3	37	47			
	ấp Đông 1					70	74				
16	Tam Đông 2		2	8	xã Thới Tam Thôn:			495	50		
					ấp Trung Đông	55	73				
					ấp Trung Đông 1	24	48				
					ấp Trung Đông 2	36	70				
					Thới Tứ		41			Thường trú TH Thới Tam nhận	
					Thới Tứ 1		33			Thường trú TH Thới Tam nhận	
					Thới Tứ 2		37			Thường trú TH Thới Tam nhận	
					Tam Đông		78			Thường trú TH Thới Tam nhận	
17	Thới Tam		0	6	xã Thới Tam Thôn:			291	49		
					ấp Nam Thới	96	36				
					Thới Tứ	65				Lưu trú TH Tam Đông 2 nhận	
					Thới Tứ 1	54				Lưu trú TH Tam Đông 2 nhận	
					Thới Tứ 2	40				Lưu trú TH Tam Đông 2 nhận	

18	Thới Tam Thôn	Nguyễn Thị Nuôi	2	6	xã Thới Tam Thôn:			394	49	
					ấp Đông	65	50			
					ấp Tam Đông	88				Lưu trú TH Tam Đông 2 nhận
					ấp Tam Đông 1	50	80			
					xã Trung Chánh:					
					ấp Mới 2	41	20			
19	Đông Thạnh	Thới Thạnh	2	0	xã Đông Thạnh:			80	40	
20		Hoàng Hoa Thám	8	2	Ấp 1	80		512	51	Tạm trú TH Trần Văn Danh nhận
					xã Đông Thạnh:					
					ấp 5	150	292			
21		Trần Văn Danh	4	15	ấp 7	70		863	45	Lưu trú TH Trần Văn Danh nhận
					- xã Đông Thạnh:					
					Ấp 1		106			Thường trú TH Thới Thạnh nhận
					Ấp 2	93	134			
					Ấp 3	70				Lưu trú TH Võ Văn Thặng nhận nhận
					Ấp 4	90				Lưu trú TH Võ Văn Thặng nhận nhận
					Ấp 6	110	146			
22		Nhị Bình	Võ Văn Thặng	0	12	Ấp 7		114	605	50
	xã Nhị Bình					216	59			
	- xã Đông Thạnh:									
	Ấp 3						134	Thường trú TH Trần Văn Danh nhận		
23	Trung Chánh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	4	1	Ấp 4		196	223	45	Thường trú TH Trần Văn Danh nhận
					xã Trung Chánh:					
					Vạn Hạnh	37	15			
					Trung Chánh 1	57	35			
24		Mỹ Huệ	4	4	Trung Chánh 2	70	9	386	48	
					xã Trung Chánh:					
					ấp Trung Mỹ Tây	46	21			
25		Bà Điểm	Bùi Văn Ngự	6	8	ấp Mỹ Huệ	69	35	696	50
	ấp Mỹ Hòa 1					136	79			
	xã Bà Điểm:							Lưu trú TH Trần Văn Mười nhận		
	ấp Tiên Lân					253		Lưu trú TH Trần Văn Mười nhận		
	ấp Tiên Lân 1					158		Lưu trú TH Tây Bắc Lân nhận		
					ấp Trung Lân	141				Lưu trú TH Tân Xuân nhận
					ấp Tây Lân	144				

X
N
N
E
L
N
V

26	Bà Điểm	Tây Bắc Lân	12	4	xã Bà Điểm:			804	50	
					Nam Lân	182	12			
					ấp Trung Lân		7			Thường trú TH Bùi Văn Ngử nhận
					ấp Hưng Lân.	145				Lưu trú TH Tân Xuân nhận
					ấp Đông Lân	131				Lưu trú TH Tân Xuân nhận
					ấp Đông Lân 1	127				Lưu trú TH Tân Xuân nhận
					ấp Hậu Lân	200				Lưu trú TH Tân Xuân nhận
Tổng cộng			110	127	0	7,565	3,869	11,434	48	

Phụ lục 5:

TRUNG HỌC CƠ SỞ

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã – thị trấn, trường trung học cơ sở - Năm học 2019 - 2020

Trường THCS	Tên xã – thị trấn	Số phòng học	Số học sinh lớp 9 ra trường (Năm học 2018 – 2019)	Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học (Năm học 2018-2019)	Số liệu tuyển sinh năm học 2019 - 2020							Số liệu tuyển sinh so với năm học 2018-2019)		
					Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							
					Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/Giảm (-)
Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú										
Đặng Công Bình	NB	50	195	413	10	41	0	10			4	10	358	55
Đỗ Văn Dậy	TH	35	339	561	12	47	12	1				12	544	17
Đông Thạnh	ĐT	53	818	1029	21	49	21	20				21	1054	-25
Lý Chính Thắng 1	TTN	29	408	457	10	46	10	1				10	441	16
Nguyễn An Khương	TT	38	259	280	8	35	0	8	0	2	8	8	280	0
Nguyễn Hồng Đào	XTS	35	472	500	12	42	4	8	2	0	8	13	644	-144
Phan Công Hớn	BĐ	28	582	634	13	49	13	1				13	646	-12
Tam Đông 1	TTT	32	401	718	16	45	16	1				15	734	-16
Tân Xuân	XTĐ	34	454	666	15	44	15	1	2			14	637	29
Thị trấn Hóc Môn	TT	9	125	250	5	50	5					5	212	38
Tô Ký	TX	30	555	787	16	49	16	1	2			16	731	56
Trung Mỹ Tây 1	TC	26	416	812	17	48	17	1	2			11	533	279
Nguyễn Văn Bứa	XTB	45		630	15	42	15							630
Xuân Thới Thượng	XTT	42	630	805	17	47	17	1				25	1145	-340
Tổng cộng		486	5654	8542	187	46	161	26	8	2	20	173	7959	583

Phụ lục 6a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường trung học cơ sở năm học 2019 - 2020

Trường trung học cơ sở	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
THCS Nguyễn Hồng Đào	2	70	35	Tiếng Anh
THCS Tô Ký	2	70	35	Tiếng Anh
THCS Tân Xuân	2	70	35	Tiếng Anh
Tổng số	6	210	35	Tiếng Anh

Phụ lục 6b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” trường trung học cơ sở năm học 2019 - 2020

Trường trung học cơ sở	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
THCS Nguyễn An Khương	Công lập	02	70	35	
Tổng số		02	70	35	

Phụ lục 7: Bảng số liệu chỉ tiêu huy động học sinh vào các trường trung cấp chuyên nghiệp năm học 2019 - 2020

Trường	Số lượng học sinh huy động vào trường trung cấp chuyên nghiệp	Ghi chú
Trung cấp Bách Nghệ TPHCM	1000	
Tổng số	1000	

Phụ lục 8: Bảng số liệu chỉ tiêu Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện năm học 2019 - 2020

TT GDNN - GDTX Hóc Môn	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
TT GDNN - GDTX Hóc Môn	11	495	45	
Tổng số	11	495	45	

Phụ lục 9: Bảng phân tuyển học sinh vào các trường THCS năm 2019 - 2020

STT	Xã, thị trấn	Trường THCS	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Sĩ số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ	Lưu trú			
1		Xuân Thới Thượng.	17	0	xã Xuân Thới Thượng:			805	47	
					Ấp 2	81				Lưu trú THCS Nguyễn Văn Bứa nhận
					Ấp 3	120	84			
					Ấp 4	99				Lưu trú THCS Nguyễn Văn Bứa nhận
					Ấp 7	86	62			
					xã Bà Điểm:					
					ấp Tiền Lân	138	21			
					ấp Tây Lân.	104	10			
2	Xuân Thới Thượng	Nguyễn Văn Bứa	15		Ấp 1	81	65	630	42	
					Ấp 2		54			Thường trú THCS Xuân Thới Thượng nhận
					Ấp 4		45			Thường trú THCS Xuân Thới Thượng nhận
					Ấp 5	80	42			
					Ấp 6	23	27			
					xã Xuân Thới Sơn:					
					Ấp 4		88			Thường trú TH Nguyễn Hồng Đào nhận
					Ấp 5		100			Thường trú TH Nguyễn Hồng Đào nhận
					Huyện Bình Chánh	8	17			
3	Xuân Thới Sơn	Nguyễn Hồng Đào	4	8	xã Xuân Thới Sơn:			500	42	
					Ấp 1	25	20			
					Ấp 2	41	36			
					Ấp 3	79	65			
					Ấp 4	65				Lưu trú THCS Nguyễn Văn Bứa nhận
					Ấp 5	44				Lưu trú THCS Nguyễn Văn Bứa nhận
					Ấp 6	56	69			
4	Xuân Thới Đông	Tân Xuân	15	0	Xuân Thới Đông:			666	44	
					ấp Xuân Thới Đông 1	72	35			
					ấp Xuân Thới Đông 2	67	31			
					ấp Xuân Thới Đông 3	65	37			
					ấp Mỹ Hòa 2	79	34			
					ấp Mỹ Hòa 4	35	23			
					ấp Tân Tiến	27	30			
					xã Bà Điểm:					
					ấp Bắc Lân	112	19			

5	Tân Thới Nhì	Lý Chính Thắng 1	10	0	xã Tân Thới Nhì:			457	46	
					ấp Thống Nhất 1	22	15			
					ấp Thống Nhất 2	49	17			
					Dân Thắng 1	36	32			
					Dân Thắng 2	49	34			
					Nhị Tân	46	34			
					ấp Nhị Tân 1	35	11			
					ấp Nhị Tân 2	21	8			
					ấp Tân Lập	31	13			
					Huyện Củ Chi (T.P. Trung)	3	1			
6	Tân Hiệp	Đỗ Văn Dậy	12	0	xã Tân Hiệp:			561	47	
					ấp Tân Thới 1	49	24			
					ấp Tân Thới 2	85	32			
					ấp Tân Thới 3	45	27			
					ấp Thới Tây 1	71	31			
					ấp Thới Tây 2	87	65			
					ấp Tân Hòa.	19	24			
					Huyện Củ Chi (T.T. Đông)	1	1			
7	Thị Trấn	Thị Trấn	5	0	thị trấn Hóc Môn:			250	50	
					Khu phố 1	23	10			
					Khu phố 2	29	9			
					Khu phố 3	18	6			
					Khu phố 4	22	11			
					Khu phố 5	5	1			
					Khu phố 6	28	6			
					Khu phố 7	19	10			
					Khu phố 8	31	16			
					Q.Tân Bình, Q.Bình Tân, Q. Gò Vấp	3	3			
8	Tân Xuân	Tô Ký	16	0	xã Tân Xuân:			787	49	
					ấp Đình	71	32			
					ấp Chánh 1	52	39			
					ấp Chánh 2	74	22			
					ấp Mới 1	48	40			
					ấp Mỹ Hòa 3	49	21			
					xã Thới Tam Thôn:					
					ấp Tam Đông 1	46	24			
					ấp Tam Đông 2	65	45			
					ấp Tam Đông 3	42	21			
					ấp Nam Thới	76	20			

9	Thới Tam Thôn	Tam Đông 1	16	0	xã Thới Tam Thôn:			718	45	
					ấp Trung Đông	78	42			
					ấp Trung Đông 1	39	21			
					ấp Trung Đông 2	40	33			
					ấp Thới Tứ	46	35			
					ấp Thới Tứ 1	42	17			
					ấp Thới Tứ 2	44	10			
					ấp Tam Đông	101	71			
					ấp Đông 1	42	57			
10	Đông Thạnh	Đông Thạnh	21	0	xã Đông Thạnh:			1029	49	
					Ấp 1	93	48			
					Ấp 2	115	58			
					Ấp 3	70				Lưu trú THCS Đặng Công Bình nhận
					Ấp 4	85				Lưu trú THCS Đặng Công Bình nhận
					Ấp 5	108	156			
					Ấp 6	112	58			
					Ấp 7	51	75			
11 *	Nhị Bình	Đặng Công Bình	0	10	xã Nhị Bình	155	71	413	41	
					xã Đông Thạnh:					
					Ấp 3		59			Thường trú THCS Đông Thạnh nhận
					Ấp 4		83			Thường trú THCS Đông Thạnh nhận
					Cù Chi	6	15			
					Thới An; Hiệp Thành; Tân	16	8			
12	Trung Chánh	Trung Mỹ Tây 1	17	0	xã Trung Chánh:			812	48	
					ấp Mới 2	30	19			
					ấp Vạn Hạnh	37	9			
					ấp Mỹ Huệ	71	41			
					ấp Trung Mỹ Tây	35	11			
					ấp Mỹ Hòa 1	119	74			
					Trung Chánh 1	64	16			
					Trung Chánh 2	41	14			
					xã Thới Tam Thôn:					
					ấp Ấp Đông	51	27			
					xã Bà Điểm:					
					ấp Hưng Lâm	83	19			
					Quận 12					
					P. An Phú Đông, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp, Tân Chánh Hiệp, Đông Hưng Thuận	30	21			

13	<i>Bà Điểm</i>	Phan Công Hớn	13	0	<i>xã Bà Điểm:</i>			634	49	
					ấp Tiền Lân 1	87	6			
					ấp Nam Lân	107	10			
					ấp Trung Lân	112	7			
					ấp Đông Lân	76	19			
					ấp Đông Lân 1	73	8			
					ấp Hậu Lân	101	24			
					Tân Thới Nhất - Quận 12	3	1			
14	<i>Thị Trấn</i>	Nguyễn An Khương	0	8				280	35	
<i>Tổng cộng</i>			161	26				8542	46	